

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ THÁNG 07 NĂM 2026**

Kính gửi: Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Công ty cổ phần chứng khoán EVS xin báo cáo Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tháng 07 năm 2026 như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hà Nội

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	ADC			ADC
2	ALT			ALT
3	AMC			AMC
4	AME			AME
5	ARM			ARM
6	ATS			ATS
7	BAB			BAB
8	BAX			BAX
9	BBS			BBS
10	BCF			BCF
11	BED			BED
12	BKC			BKC
13	BPC			BPC
14	BTW			BTW
15	BVS			BVS
16	BXH			BXH
17	C69			C69
18	CAG			CAG
19	CAP			CAP
20	CAR			CAR
21	CCR			CCR
22	CDN			CDN
23	CEO			CEO
24	CIA			CIA
25	CJC			CJC
26	CKV			CKV
27	CLH			CLH
28	CLM			CLM
29	CMC			CMC
30	CMS			CMS
31	CPC			CPC
32	CSC			CSC
33	CST			CST
34	CTB			CTB
35	CTP			CTP
36	CTT			CTT

37	D11			D11
38	DAD			DAD
39	DC2			DC2
40	DHT			DHT
41	DIH			DIH
42	DL1			DL1
43	DNC			DNC
44	DNP			DNP
45	DP3			DP3
46	DST			DST
47	DTD			DTD
48	DTG			DTG
49	DTK			DTK
50	DVM			DVM
51	DXP			DXP
52	EBS			EBS
53	EID			EID
54	GDW			GDW
55	GIC			GIC
56	GLT			GLT
57	GMA			GMA
58	GMX			GMX
59	HAD			HAD
60	HAT			HAT
61	HCC			HCC
62	HDA			HDA
63	HGM			HGM
64	HHC			HHC
65	HJS			HJS
66	HKT			HKT
67	HLC			HLC
68	HLD			HLD
69	HMH			HMH
70	HMR			HMR
71	HTC			HTC
72	HUT			HUT
73	HVT			HVT
74	ICG			ICG
75	IDC			IDC
76	IDV			IDV
77	INC			INC
78	INN			INN
79	IPA			IPA
80	ITQ			ITQ
81	IVS			IVS
82	KDM			KDM
83	KHS			KHS
84	KKC			KKC
85	KMT			KMT
86	KSD			KSD
87	KSF			KSF
88	KST			KST
89	KSV			KSV
90	KTS			KTS
91	L14			L14
92	L18			L18
93	L40			L40
94	LAS			LAS
95	LBE			LBE

96	LHC			LHC
97	LIG			LIG
98	MAC			MAC
99	MBG			MBG
100	MBS			MBS
101	MCC			MCC
102	MCF			MCF
103	MCO			MCO
104	MDC			MDC
105	MEL			MEL
106	MIC			MIC
107	MKV			MKV
108	MST			MST
109	MVB			MVB
110	NAG			NAG
111	NAP			NAP
112	NBC			NBC
113	NBW			NBW
114	NDN			NDN
115	NDX			NDX
116	NET			NET
117	NFC			NFC
118	NHC			NHC
119	NSH			NSH
120	NST			NST
121	NTH			NTH
122	NTP			NTP
123	ONE			ONE
124	PBP			PBP
125	PCE			PCE
126	PCH			PCH
127	PCT			PCT
128	PDB			PDB
129	PGS			PGS
130	PHN			PHN
131	PIA			PIA
132	PIC			PIC
133	PJC			PJC
134	PLC			PLC
135	PMB			PMB
136	PMC			PMC
137	PMP			PMP
138	PMS			PMS
139	POT			POT
140	PPP			PPP
141	PPS			PPS
142	PPT			PPT
143	PPY			PPY
144	PRC			PRC
145	PRE			PRE
146	PSC			PSC
147	PSD			PSD
148	PSE			PSE
149	PSI			PSI
150	PSW			PSW
151	PTI			PTI
152	PTS			PTS
153	PTX			PTX
154	PVB			PVB

P: 2
CÔ
CÔ
CHÚN
E
RA TRU

155	PVC			PVC
156	PVG			PVG
157	PVI			PVI
158	PVS			PVS
159	QHD			QHD
160	QST			QST
161	RCL			RCL
162	S55			S55
163	S99			S99
164	SAF			SAF
165	SCG			SCG
166	SCI			SCI
167	SD5			SD5
168	SD9			SD9
169	SDN			SDN
170	SEB			SEB
171	SED			SED
172	SFN			SFN
173	SGC			SGC
174	SGH			SGH
175	SHE			SHE
176	SHN			SHN
177	SHS			SHS
178	SJ1			SJ1
179	SJE			SJE
180	SLS			SLS
181	SMN			SMN
182	STC			STC
183	STP			STP
184	SVN			SVN
185	SZB			SZB
186	TA9			TA9
187	TD6			TD6
188	TDT			TDT
189	TET			TET
190	TFC			TFC
191	THB			THB
192	THD			THD
193	THS			THS
194	THT			THT
195	TIG			TIG
196	TJC			TJC
197	TKU			TKU
198	TMB			TMB
199	TMC			TMC
200	TMX			TMX
201	TNG			TNG
202	TOT			TOT
203	TPP			TPP
204	TSB			TSB
205	TTC			TTC
206	TTL			TTL
207	TTT			TTT
208	TV3			TV3
209	TV4			TV4
210	TVC			TVC
211	TVD			TVD
212	V12			V12
213	V21			V21

214	VBC		VBC
215	VC1		VC1
216	VC3		VC3
217	VC6		VC6
218	VC7		VC7
219	VCC		VCC
220	VCM		VCM
221	VCS		VCS
222	VDL		VDL
223	VFS		VFS
224	VGP		VGP
225	VGS		VGS
226	VHE		VHE
227	VIF		VIF
228	VLA		VLA
229	VMS		VMS
230	VNC		VNC
231	VNF		VNF
232	VNR		VNR
233	VSA		VSA
234	VSM		VSM
235	VTC		VTC
236	VTH		VTH
237	VTZ		VTZ
238	WCS		WCS
239	WSS		WSS
240	X20		X20

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK TP.HCM

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1			AAT	AAT
2			ANT	ANT
3			CRV	CRV
4			KLB	KLB
5			NTC	NTC
6			PDV	PDV
7			SRF	SRF
8			TTE	TTE
9			VVS	VVS
10	AAA			AAA
11	AAM			AAM
12	ABR			ABR
13	ABT			ABT
14	ACB			ACB
15	ACC			ACC
16	ACG			ACG
17	ACL			ACL
18	ADG			ADG
19	ADP			ADP
20	ADS			ADS
21	AFX			AFX
22	AGG			AGG

23	AGR			AGR
24	ANV			ANV
25	ASG			ASG
26	ASM			ASM
27	AST			AST
28	BAF			BAF
29	BCE			BCE
30	BCM			BCM
31	BFC			BFC
32	BHN			BHN
33	BIC			BIC
34	BID			BID
35	BKG			BKG
36	BMC			BMC
37	BMP			BMP
38	BRC			BRC
39	BSI			BSI
40	BSR			BSR
41	BTP			BTP
42	BTT			BTT
43	BVH			BVH
44	BWE			BWE
45	C32			C32
46	C47			C47
47	CCC			CCC
48	CCI			CCI
49	CCL			CCL
50	CDC			CDC
51	CHP			CHP
52	CII			CII
53	CKG			CKG
54	CLC			CLC
55	CLL			CLL
56	CLW			CLW
57	CMG			CMG
58	CMV			CMV
59	CNG			CNG
60	COM			COM
61	CRC			CRC
62	CRE			CRE
63	CSM			CSM
64	CSV			CSV
65	CTD			CTD
66	CTF			CTF
67	CTG			CTG
68	CTI			CTI
69	CTR			CTR
70	CTS			CTS
71	CVT			CVT
72	D2D			D2D
73	DAT			DAT
74	DBC			DBC
75	DBD			DBD
76	DBT			DBT
77	DC4			DC4
78	DCL			DCL
79	DCM			DCM
80	DGW			DGW
81	DHA			DHA

82	DHC			DHC
83	DHG			DHG
84	DHM			DHM
85	DIG			DIG
86	DMC			DMC
87	DPG			DPG
88	DPM			DPM
89	DPR			DPR
90	DRC			DRC
91	DRL			DRL
92	DSC			DSC
93	DSE			DSE
94	DSN			DSN
95	DTT			DTT
96	DVP			DVP
97	DXG			DXG
98	DXS			DXS
99	EIB			EIB
100	ELC			ELC
101	EVE			EVE
102	EVF			EVF
103	EVG			EVG
104	FCM			FCM
105	FCN			FCN
106	FDC			FDC
107	FIR			FIR
108	FIT			FIT
109	FMC			FMC
110	FPT			FPT
111	FRT			FRT
112	FTS			FTS
113	GAS			GAS
114	GEE			GEE
115	GEG			GEG
116	GEX			GEX
117	GIL			GIL
118	GMD			GMD
119	GMH			GMH
120	GSP			GSP
121	GTA			GTA
122	GVR			GVR
123	HAG			HAG
124	HAH			HAH
125	HAR			HAR
126	HAX			HAX
127	HCD			HCD
128	HCM			HCM
129	HDB			HDB
130	HDC			HDC
131	HDG			HDG
132	HHP			HHP
133	HHS			HHS
134	HHV			HHV
135	HII			HII
136	HMC			HMC
137	HNA			HNA
138	HPG			HPG
139	HPX			HPX
140	HQC			HQC

141	HRC			HRC
142	HSG			HSG
143	HSL			HSL
144	HT1			HT1
145	HTG			HTG
146	HTI			HTI
147	HTL			HTL
148	HTN			HTN
149	HTV			HTV
150	HU1			HU1
151	HUB			HUB
152	HVH			HVH
153	ICT			ICT
154	IDI			IDI
155	IJC			IJC
156	ILB			ILB
157	IMP			IMP
158	ITC			ITC
159	KBC			KBC
160	KDC			KDC
161	KDH			KDH
162	KHG			KHG
163	KHP			KHP
164	KMR			KMR
165	KOS			KOS
166	KSB			KSB
167	L10			L10
168	LAF			LAF
169	LBM			LBM
170	LCG			LCG
171	LGC			LGC
172	LGL			LGL
173	LHG			LHG
174	LIX			LIX
175	LM8			LM8
176	LPB			LPB
177	LSS			LSS
178	MBB			MBB
179	MCH			MCH
180	MCM			MCM
181	MCP			MCP
182	MHC			MHC
183	MIG			MIG
184	MSB			MSB
185	MSH			MSH
186	MSN			MSN
187	MWG			MWG
188	NAB			NAB
189	NAF			NAF
190	NAV			NAV
191	NBB			NBB
192	NCT			NCT
193	NHA			NHA
194	NHH			NHH
195	NHT			NHT
196	NKG			NKG
197	NLG			NLG
198	NNC			NNC
199	NO1			NO1

200	NSC			NSC
201	NT2			NT2
202	NTL			NTL
203	NVL			NVL
204	OCB			OCB
205	OPC			OPC
206	ORS			ORS
207	PAC			PAC
208	PAN			PAN
209	PC1			PC1
210	PDN			PDN
211	PDR			PDR
212	PET			PET
213	PGC			PGC
214	PGD			PGD
215	PGI			PGI
216	PGV			PGV
217	PHC			PHC
218	PHR			PHR
219	PJT			PJT
220	PLP			PLP
221	PLX			PLX
222	PNC			PNC
223	PNJ			PNJ
224	POW			POW
225	PPC			PPC
226	PTB			PTB
227	PTC			PTC
228	PVD			PVD
229	PVP			PVP
230	PVT			PVT
231	QCG			QCG
232	QNP			QNP
233	RAL			RAL
234	REE			REE
235	RYG			RYG
236	S4A			S4A
237	SAB			SAB
238	SAM			SAM
239	SAV			SAV
240	SBA			SBA
241	SBG			SBG
242	SBT			SBT
243	SC5			SC5
244	SCR			SCR
245	SCS			SCS
246	SFC			SFC
247	SFG			SFG
248	SFI			SFI
249	SGN			SGN
250	SGR			SGR
251	SGT			SGT
252	SHA			SHA
253	SHB			SHB
254	SHI			SHI
255	SHP			SHP
256	SIP			SIP
257	SJD			SJD
258	SJS			SJS

259	SKG			SKG
260	SMA			SMA
261	SMB			SMB
262	SMC			SMC
263	SRC			SRC
264	SSB			SSB
265	SSC			SSC
266	SSI			SSI
267	STB			STB
268	STK			STK
269	SVC			SVC
270	SVT			SVT
271	SZC			SZC
272	SZL			SZL
273	TAL			TAL
274	TBC			TBC
275	TCB			TCB
276	TCH			TCH
277	TCI			TCI
278	TCL			TCL
279	TCM			TCM
280	TCO			TCO
281	TCT			TCT
282	TCX			TCX
283	TDC			TDC
284	TDG			TDG
285	TDM			TDM
286	TDP			TDP
287	TDW			TDW
288	TEG			TEG
289	THG			THG
290	TIP			TIP
291	TLD			TLD
292	TLG			TLG
293	TMP			TMP
294	TMS			TMS
295	TN1			TN1
296	TNI			TNI
297	TNT			TNT
298	TPB			TPB
299	TPC			TPC
300	TRA			TRA
301	TRC			TRC
302	TTA			TTA
303	TV2			TV2
304	TVB			TVB
305	TVS			TVS
306	TVT			TVT
307	TYA			TYA
308	UIC			UIC
309	VAB			VAB
310	VCB			VCB
311	VCF			VCF
312	VCG			VCG
313	VCI			VCI
314	VCK			VCK
315	VDP			VDP
316	VDS			VDS
317	VFG			VFG

318	VGC		VGC
319	VHC		VHC
320	VHM		VHM
321	VIB		VIB
322	VIC		VIC
323	VID		VID
324	VIP		VIP
325	VIX		VIX
326	VJC		VJC
327	VND		VND
328	VNG		VNG
329	VNL		VNL
330	VNM		VNM
331	VNS		VNS
332	VOS		VOS
333	VPB		VPB
334	VPD		VPD
335	VPI		VPI
336	VPL		VPL
337	VPS		VPS
338	VPX		VPX
339	VRC		VRC
340	VRE		VRE
341	VSC		VSC
342	VSH		VSH
343	VSI		VSI
344	VTB		VTB
345	VTO		VTO
346	VTP		VTP
347	YEG		YEG
348	TNC	TNC	

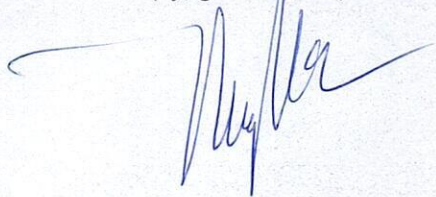
Đường link đăng tải thông tin nói trên trên website của công ty:

https://www.eves.com.vn/files/WebFlie/PDF/BCKQ/EVS_BC_Thang_DMChungKhoanGDKQ_Thang07.2026_VNX.pdf

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

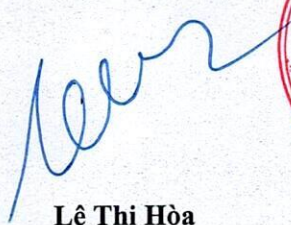
Kính báo cáo Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Người lập
(ký, ghi rõ họ tên)



Lê Vũ Thùy Linh

Kiểm soát
(ký, ghi rõ họ tên)



Lê Thị Hòa



TU. Tổng Giám Đốc
(ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH
Vũ Thị Thanh Hằng